



CHƯƠNG TRÌNH 100 NGHỀ CHO NÔNG DÂN
Chủ nhiệm chương trình: Nguyễn Lâm Hùng

PHÙNG ĐỨC TIẾN - LÊ THỊ THU HIỀN
NGUYỄN DUY ĐIỀU - NGUYỄN THỊ MƯỜI

Nghề

NUÔI GÀ H'MÔNG VÀ GÀ ÁC



NHÀ XUẤT BẢN NÔNG NGHIỆP

NGHỀ NUÔI GÀ H'MÔNG VÀ GÀ ÁC

I. MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM SINH HỌC VÀ GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG CỦA GÀ H'MÔNG VÀ GÀ ÁC

1. Gà H'mông

Gà H'Mông là giống gà nội của Việt Nam thuộc nhóm gà da đen, thịt đen, xương đen, được đồng bào H'Mông nuôi theo phương pháp cổ truyền. Thịt gà H'Mông là món ăn đặc sản có tác dụng bồi bổ sức khỏe; thịt và xương có tác dụng chữa bệnh, đặc điểm là đối với những người bị bệnh tim mạch. Trước đây giống gà này chỉ có vùng núi cao phía Bắc với số lượng không nhiều và đang có nguy cơ bị mất dần.

Đề án “ Bảo tồn quỹ gen vật nuôi Việt Nam” năm 1999 – 2002 và dự án “Bảo tồn các giống vật nuôi có vốn gen quý hiếm” năm 2000 – 2001 đã đưa giống gà này vào bảo tồn nuôi thử nghiệm ở Sơn La và Hà Nội. Dự án BOIDIVA bắt đầu từ năm 2006 đang triển khai được và cho đến nay giống gà H'Mông đã có mặt ở hầu hết các tỉnh ở phía Bắc.

a. Hình dáng cơ thể

Gà H'Mông có hình dáng cân đối, vững chắc, to, khỏe, nhanh nhẹn. Đầu nhỏ, cổ cao, mắt nâu linh hoạt, ức nở, lông dày. Mỏ cong, dài và nhọn; đuôi dài và cong; mào cờ. Chân cao, to và khỏe; số con có lông chân chiếm khoảng 20 – 22%

b. Màu sắc lông, da của gà H'Mông

Một ngày tuổi gà H'Mông có màu vàng, trắng đen, xám nhưng nhiều hơn cả là màu vàng nhạt hoặc nâu có sọc to màu nâu hoặc đen ở lưng. Lúc trưởng thành gà trống có màu trắng tuyền, đen, đỏ tro, vàng đỏ, trắng đen, đen đỏ và màu đốm. Gà mái có màu tro trắng, tro xám, tro vàng, trắng đen, vàng nâu, đen nâu.

Gà H'Mông cá da đen, thịt đen, xương màu đen chiếm 70 – 90% còn lại là màu trắng hoặc màu vàng. Thường thì gà trống có tỉ lệ gà thịt đen thấp hơn gà mái và đen nhạt hơn gà mái.

c. Tập tính của gà H'Mông

+ Tập tính bới tìm mồi

+ Tập tính ngủ: Gà H'Mông thường nằm ép bụng xuống giá đỡ, cổ rụt, đầu cúi hoặc rúc vào cánh để ngủ.

+ Tập tính tắm nắng, bay và kêu: gà H'Mông rất thích tắm nắng vào 7 – 9 giờ, thích bay ngay từ khi gà mới được 1 tuần tuổi, gà hay tự bay một mình trên mặt đất, ngoài sân chơi, hoặc bay bám lên mặt lưới thân chuồng, nóc chuồng đê. . . Đặc biệt, vào những thời điểm đê, gà mái thường tìm mọi cách bay lên các nơi thỏa mãn bản năng tìm ổ rồi mới vào ổ đẻ. Vì bản năng bay mạnh, ưa hoạt động nhiều nên gà có thể phù hợp hơn trong điều kiện nuôi “thả vườn”.

2. Gà Ác

Các giống gà thịt đen, xương đen có thị trường rất tốt ở trong nước, các nước châu Á và một số vùng lãnh thổ (Đặc biệt là ở Trung Quốc, Hồng Kong, Đài Loan). Từ các giống gà này, người ta đã chế biến thành các sản phẩm cao cấp phục vụ nhu cầu bồi bổ và trị bệnh,.... Ở nước ta giống gà Ác là một giống gà nội xương đen, thịt đen, chất lượng cao hiện đang phát triển tốt, đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của người tiêu dùng.

Gà ác có ngoại hình nhỏ. Gà con có màu lông trắng hoặc hơi phớt vàng chanh, gà trưởng thành có bộ lông xước màu trắng bao phủ toàn thân. Gà có mào cờ màu đỏ thẫm, tính màu tím

xanh, mào của con trống to và đỏ thẫm hơn mào con mái. Mỏ dài, nhọn màu đen, mắt to và đen. Da, thịt, xương cũng có màu đen. Chân năm ngón, hai hàng vảy, có hoặc không có lông bao phủ.

Thành phần hóa học của thịt gà Ác: Tỷ lệ vật chất khô 24,33%; tỷ lệ protein thô cao 22,65%; đặc biệt tỷ lệ lipid thấp 1,05; tỷ lệ sắt cao 18,44mg/100g. Hàm lượng các axit amin trong thịt gà Ác cao hơn rất nhiều so với lượng axit amin trong thịt gà ri và các loại gà khác, đặc biệt các axit amin cần thiết như arginin, histidin, isoleucin, leucin, lyzin, phenylalanin, threonin. Chính vì vậy, gà Ác Việt Nam được coi là loại được kê trong y học.

Trứng gà Ác có chất lượng cao. Kết quả phân tích cho thấy lượng vật chất khô trong lòng đỏ cao 50,7%, trong khi đó lòng trắng chỉ có 11,2%. Hàm lượng protein trong lòng đỏ tương đối cao (17,6%), hàm lượng mỡ trong lòng đỏ là 30,2%, hàm lượng khoáng là 2.0%. Như vậy lòng đỏ trứng có chất lượng dinh dưỡng cao hơn rõ rệt so với các loại trứng gia cầm khác (Theo nghiên cứu của Rose, lòng đỏ của các loại trứng gia cầm chứa khoảng 16% protein).

3. Gà Thái Hòa

Gà Thái Hòa có nguồn gốc từ tỉnh Gia Tây – Trung Quốc.

Đặc điểm ngoại hình của gà Thái Hòa là có bộ lông tơ mềm, mịn, màu trắng tuyền bao phủ toàn thân. Gà con một ngày tuổi bộ lông màu vàng hơi phớt trắng. Trên đỉnh đầu có chòm lông tơ (giống như quả cầu), chòm lông ở con mái to hơn ở con trống. Con trống có mào kép màu hồng, con mái có mào dạng như quả dâu tây, màu xanh tím. Mỏ to màu đen. Mỏ nhọn, màu đen nhạt. Tai màu xanh lục, tích màu xanh tím biếc. Đối với con trống, từ 4 – 5 tháng tuổi trở đi, màu tai chuyển dần từ màu xanh lục sang hơi đỏ tía. Chân có 5 ngón. Bàn chân có các túm lông nhỏ bao phủ, có 2 hàng vảy. Gà có da, xương và nội tạng màu đen.

Thịt gà Thái Hòa có hàm lượng axit amin, sắt cao hơn so với thịt gà Ri và tương tự như gà Ác. Đặc biệt, thịt gà (cả da) có hàm lượng vitamin A cao 4,62 – 7,69 μ g/100g và hàm lượng cholesterol rất thấp (15,52 – 40,42 mg/100 g) (Vũ Quảng Ninh, 2003). Đây là một trong những ưu thế của giống gà Thái Hòa để phát triển vào trong sản xuất.

Trứng gà Thái Hòa có giá trị dinh dưỡng cao. Trứng gà toàn phần (trừ vỏ) tuy có tỉ lệ protein thấp (12,04%) nhưng có hàm lượng khoáng tổng số cao (1,18%), sắt 2,98mg/100g. Hàm lượng vitamin A trong lòng đỏ trứng đạt 161 μ g/100g. Hầu hết các axit amin không thay thế đều có mặt với hàm lượng tương đối cao. Đặc biệt, hàm lượng cholesterol thấp, 433 mg/100 g trứng toàn phần.

II. ĐIỀU KIỆN CHĂN NUÔI ĐẢM BẢO SINH HỌC

1. Điều kiện chung

a. Chuồng trại

Xây dựng chuồng trại đảm bảo thông thoáng về mùa hè, áp áp về mùa đông. Nền chuồng nên láng phẳng bằng xi măng, mỗi chuồng cần có mái hiên rộng từ 1 – 1,5m để tránh mưa gió hắt vào. Chuồng nuôi và sân chơi đảm bảo khô ráo và đặc biệt phải có ánh nắng chiếu vào..

b. Khu vực chăn nuôi

Khu vực chăn nuôi phải tách riêng với các khu vực phục vụ chăn nuôi khác như kho thức ăn, trạm ấp trứng, kho đựng chất độn chuồng. Đặc biệt là khu vực chứa phân phải có mái che, cách xa khu chăn nuôi và phải ở cuối hướng gió. Xây dựng hệ thống đường đi và thoát nước theo hệ thống chuồng nuôi. Xây dựng chuồng cách chuồng từ 20 – 30m. Nếu là chăn trong nông hộ thì chuồng nuôi phải cách xa ít nhất là 30m. Phải có khu vực xử lý xác gà ốm, chết, tốt nhất là xây lò thiêu xác gia cầm thủ công. Khu vực này phải phun sát trùng thường xuyên.

c. Biện pháp cách ly mầm bệnh

Có hàng rào hoặc tường bao chắn xung quanh khu vực chăn nuôi cũng như có hệ thống cống ra vào, hệ thống hồ sát trùng, tấm gô thay quần áo bảo hộ trước khi vào khu vực chăn nuôi. Nếu chăn nuôi hộ gia đình thì phải có quần áo ở khu vực chăn nuôi và phải có bảo hộ lao động như ủng, khẩu trang... Phun sát trùng toàn bộ phương tiện khi ra vào khu vực chăn nuôi, có thể là hệ thống phun tự động hoặc có người trực để phun khử trùng. Hạn chế sự tham quan ra vào khu vực chăn nuôi; không nên nuôi các vật nuôi khác như chó mèo... trong khu vực chăn nuôi (nếu nuôi phải nhốt lại)

2. Chuẩn bị điều kiện nuôi

Chuẩn bị trống trước khi nuôi gia cầm bao gồm việc tẩy rửa vệ sinh, phun thuốc sát trùng (có thể dùng Biocid 0,3, Formol 2%, Virkon 0,5%, BKA 0,3%, dung dịch hoạt hóa điện hóa Anolite nguyên chất...), quét vôi trắng nền chuồng, tường và hành lang chuồng nuôi, để khô và phun lại lần cuối trước khi thả gà vào nuôi 1 ngày. Nếu khu đã chăn nuôi thì phải có thời gian để trống chuồng ít nhất là 2 tuần (sau khi đã dọn rửa phun khử trùng và quét vôi) thì mới đưa gà vào nuôi.

Các dụng cụ chăn nuôi như máng ăn, máng uống, cót quây gia cầm... cũng phải được tẩy rửa, phun thuốc sát trùng và phơi nắng cho khô. Phơi khô, phun hoặc xông bằng thuốc tím và formol chất độn chuồng. Độ dày của chất độn chuồng tùy thuộc vào loại gà và mùa vụ. Các thiết bị chăn nuôi như chụp sưởi, máng ăn, máng uống phải được sắp đặt sẵn ở trong quây và phải bật chụp sưởi cho ấm trước khi thả gà mới nở vào. Xung quanh chuồng phải chuẩn bị hệ thống bạt che, các bạt này cũng phải được phun khử trùng hoặc xông formol trước khi đưa vào sử dụng. Xác định diện tích nền chuồng để quây gia cầm cho thích hợp, thường 350 – 400 gà/quây có đường kính 3m, chiều cao 40 – 50cm. Diện tích quây được nở rộng theo lứa tuổi của gà. Lối ra vào chuồng nuôi phải có hồ sát trùng hoặc phải có khay đựng thuốc sát trùng (Crezin 3% formol 2% hoặc vôi bột) để sát trùng ủng và xe cải tiến trước khi vào chuồng nuôi.

3. Vệ sinh thú y trong quá trình chăn nuôi

a. Vệ sinh thức ăn, nước uống

Máng ăn, máng uống phải được rửa sạch và phun sát trùng hoặc ngâm formol 2% định kỳ 1 tháng 1 lần. Hàng ngày thay nước uống và rửa sạch máng sạch sẽ.

Nước cho gà uống phải là nước sạch, đạt các tiêu chuẩn về vi sinh vật và kim loại nặng... có thể bổ sung dung dịch hoạt hóa điện hóa (5-10%) cho gà uống nước từ lúc 1 ngày tuổi đến khi giết thịt để giúp phòng bệnh tiêu hóa.

Không được cho gà ăn những loại thức ăn không đạt tiêu chuẩn về vi sinh vật, nấm mốc, kim loại nặng... Làm sạch máng ăn trước khi cho gà ăn.

b. Vệ sinh chuồng trại và môi trường xung quanh

Định kỳ phun thuốc sát trùng trong chuồng nuôi bằng các dung dịch thuốc sát trùng như Virkon 0,25%, Biocid 0,1%, dung dịch hoạt hóa điện hóa... ít nhất tuần 1 lần.

Phun sát trùng các khu vực xanh quanh chuồng nuôi bằng Biocid 0,3%, formol 2%, Virkon 0,5%, BKA 0,3%, dung dịch hoạt hóa điện hóa Anolite nguyên chất thay đổi nhau tuần 1 lần.

Thường xuyên quét mạng nhện, bụi bẩn bám vào chuồng nuôi

Cuốc đất, phun sát trùng, rắc vôi các khu vực xung quanh trại định kỳ 2 -3 tháng 1 lần.

Thường xuyên diệt chuột và côn trùng ở khu vực chăn nuôi, làm cỏ, phát quang cây cối quanh khu vực chuồng nuôi để tránh những con vật mang mầm bệnh vào cho gà.

Đảm bảo mật độ gà trong chuồng nuôi và phải đảm bảo đủ máng ăn. Máng uống cho gà.

Định kỳ dọn phân, nếu chuồng trại ẩm ướt thì phải dọn phân ngay, đảm bảo chuồng nuôi luôn khô ráo.

c. Vệ sinh khu vực trạm ấp

Trước khi vào khu vực ấp phải có hồ sát trùng.

Hạn chế đến mức thấp nhất khác ra vào tham quan.

Phải có phòng tắm thay quần áo giầy dép cho người làm trực tiếp tại trạm ấp.

Tất cả các loại trứng trước khi đưa vào ấp hoặc bảo quản phải xông khử trùng bằng thuốc tím và formol (17,5g thuốc tím + 35ml formol).

Khử trùng hàng ngày khu vực ấp. Các dụng cụ ấp nở phải được thường xuyên cọ rửa và phun khử trùng trước khi đem vào sử dụng. Định kỳ vệ sinh khu vực nhà ấp và xung quanh.

Diệt chuột và các loại côn trùng khác.

Phải có khu xử lý chất thải (vỏ trứng, trứng không nở). Có thể chôn sâu và rắc vôi bột lên trên hoặc đốt các vỏ trứng.

4. Kiểm tra sức khỏe đàn gà, xử lý gà ốm, chết

a. Kiểm tra sức khỏe đàn gà

Kiểm tra vào đầu giờ sáng hàng ngày

Kiểm tra trạng thái chung như dáng đi, các biểu hiện bất thường của gà như liệt chân, ủ rũ, chảy nước mắt, nước mũi ho khó thở...Kiểm tra phân dưới nền chuồng

Kiểm tra trạng thái ăn uống xem đàn gà có ăn uống như ngày thường không hay có hiện tượng bỏ ăn...

Thực hiện đúng quy trình chăn nuôi, cho ăn thức ăn phù hợp với từng giống và lứa tuổi gà.

Thực hiện nghiêm túc lịch phòng vacxin và thuốc định kì cho đàn gà.

Phải có sổ ghi chép đầy đủ, chính xác về các loại thuốc và vacxin sử dụng cho đàn gà, thời gian, ngày giờ cho uống hoặc tiêm vacxin.

Nếu gặp những bệnh thông thường mà qua triệu chứng lâm sàng có thể chẩn đoán bệnh (cầu trùng, CRD) thì nên điều trị càng sớm càng tốt, trước khi giết thịt phải đảm bảo đúng thời gian ngừng sử dụng thuốc kháng sinh.

b. Xử lý gà ốm, chết

Không được giết mổ bừa bãi. Nếu gà bị ốm, chết thì không được bán hoặc ăn thịt. Phải có khu mổ khám và đốt hoặc chôn xác gia cầm. Phải rắc vôi bột lên và chôn sâu. Thường xuyên phun thuốc sát trùng khu vực này. Không được sử dụng lại thức ăn thừa của những đàn gà bị bệnh cho đàn khác.

Trong quá trình thực hiện những công việc trên, người chăn nuôi đặc biệt phải chú ý bảo vệ mình bằng cách mặc quần áo bảo hộ, đeo băng khẩu, đi ủng, đeo kính bảo hộ, mặt nạ, đi găng tay, sau khi thực hiện công việc xong phải tắm rửa và vệ sinh cá nhân cẩn thận.

III. KỸ THUẬT NUÔI GÀ ÁC VIỆT NAM, GÀ XƯƠNG ĐEN THÁI HÒA VÀ GÀ H'MÔNG

1. Kỹ thuật nuôi gà sinh sản

1.1. Giai đoạn gà con

a. Chuẩn bị dụng cụ và chuồng trại

* Chuồng trại: Chuồng nuôi phải được quét dọn sạch sẽ, để trống chuồng trước khi nuôi 15 – 20 ngày và sử lý theo đúng qui định về vệ sinh phòng dịch, tường quét vôi nồng độ 40%, nền chuồng được tiêu độc bằng xút 2% với liều lượng 1 lít/m² hoặc bằng các loại thuốc sát trùng khác.

Trước khi thả gà 1 ngày phun tẩy uế lại bằng dung dịch formalin 3% (hoặc các loại thuốc sát trùng khác) sau đó đóng kín cửa lại. Sau khi phun 5 giờ mở cửa cho thông thoáng bay hết mùi rồi mới cho gà vào.

- **Máng ăn:** Hai tuần đầu dùng mẹt hoặc khay tôn (một khay kích thước 60 × 80 cm, cao 2-3 cm dùng cho 80-100 gà). Sau 2 tuần dùng máng ăn.

Có 2 loại máng ăn: máng tròn và máng dài

Máng dài có thiết diện hình thang, đáy nhỏ từ 5-8 cm, miệng rộng từ 7-13 cm, chiều dài của máng 1-1,5 m, cao 4-8 cm, có đế vững chắc tránh rơi vãi thức ăn.

- Máng tròn có thể bằng nhựa hoặc bằng tôn.

- **Máng uống:**

- Máng tròn (gallon) gồm phần đáy và phần thân lắp vào nhau, làm bằng nhựa, thể tích máng tùy theo loại gà: gà con dùng loại 1,5-2 lít, gà dò và gà sinh sản dùng loại 4-8 lít.

- Máng dài có độ dài tương đương với máng ăn nhưng thiết diện nhỏ hơn.

- **Chụp sưởi:** Gà con sau khi nở chưa có khả năng điều tiết thân nhiệt, do đó phải có hệ thống lò sưởi để cung cấp nhiệt độ cho đến khi chúng có khả năng điều tiết được thân nhiệt phù hợp nhiệt độ môi trường, có thể sưởi bằng điện (dây mayso và chụp sưởi) hoặc bằng đèn hồng ngoại. Tùy theo số lượng gà con 1 ngày tuổi, nhiệt độ chuồng nuôi mà bố trí hệ thống sưởi cho hợp lý.

- **Rèm che:** Dùng vải bạt che bên ngoài lưới thép để giữ nhiệt độ chuồng nuôi và tránh gió lùa hoặc có thể dùng cút ép hay phen liếp.

- **Quây gà:** Làm bằng cút ép, tấm nhựa hoặc lưới sắt, chiều cao 50-60 cm, đường kính 2-2,5 m. Quây gà dùng để úm gà con trong 14 ngày đầu, mỗi quây như vậy có thể nhốt 150 – 200 con gà một ngày tuổi.

- **Độn chuồng:** Phải có khả năng hút ẩm, có thể dùng phoi bào, trấu, cỏ khô hoặc rơm khô băm nhỏ. Chất độn chuồng phải được phơi khô, phun sát trùng bằng formol 2%.

Giai đoạn gà con được tính từ 1-63 ngày tuổi, ở giai đoạn này các cơ quan phủ tạng nhất là bộ máy tiêu hóa chưa hoàn thiện, dạ dày cơ chưa tiêu hóa được các thức ăn xơ cứng, men tiêu hóa chưa đầy đủ, rất nhạy cảm với điều kiện bên ngoài, vì vậy phải tạo điều kiện tốt để gà phát triển nhanh và khỏe mạnh.

b. Chọn gà con giống

Chọn những con nhanh nhẹn, mắt sáng, lông bông, bụng gọn, chân mập, khối lượng gà 30 – 32 g là đạt yêu cầu. Tránh chọn những con khô chân, khèo chân, vẹo mỏ, hở rốn.

c. Nhiệt độ, ẩm độ và thông thoáng

Gà con không tự điều chỉnh thân nhiệt một cách hoàn hảo trong hai tuần đầu, do đó các bệnh về đường hô hấp, tiêu hóa dễ phát sinh khi ẩm độ môi trường lên cao, vì vậy sẽ ảnh hưởng rất lớn đến tỷ lệ nuôi sống và khả năng sinh trưởng.

Bảng 1: Yêu cầu về nhiệt độ và ẩm độ

Tuần tuổi	Nhiệt độ trong nhà (⁰ C)	Nhiệt độ chụp sưởi (⁰ C)	Độ ẩm tương đối (%)
-----------	---	---	------------------------

1	26 - 27	30 - 31	60 - 70
2	25 - 26	29 - 30	
3	23 - 24	29 - 30	
4	22 - 23	28	
5	21 - 22	26	
>5	20 - 21	25 - 26	

Khi đủ ấm, gà nằm nghỉ rải đều từng tốp 3 – 5 con, khi thiếu nhiệt gà dồn chông đứng lên nhau, nếu thừa nhiệt, gà tản xa nguồn nhiệt, nháo nhác và khát nước.

Chuồng nuôi phải đảm bảo thông thoáng, nhưng tránh gió lùa.

Gà con cần chiếu sáng 24/24 giờ trong 3 tuần đầu, sau 4 – 6 tuần, giảm dần đến 16 giờ, từ tuần 7 – 9 tuần lợi dụng ánh sáng tự nhiên, đảm bảo cường độ ánh sáng 3 W/m² là đủ.

d. Nước uống

Cần phải cho gà uống nước sạch, tốt nhất pha 5% đường glucoza vào nước cho gà uống trong những ngày đầu. Nước cho gà uống phải ấm. Sử dụng máng nước kiểu tự động giúp cho gà uống thuận tiện, không bị rơi vãi làm ướt chuồng. Chỉ cho gà ăn sau khi đã cho uống. Thông thường sau khi thả gà vào quây trong 3 – 4 giờ đầu chỉ cho uống nước chưa cho ăn.

e. Thức ăn

Thức ăn phải được phối chế cân đối đảm bảo đủ dinh dưỡng cho nhu cầu phát triển của gà trong từng giai đoạn. Khẩu phần ăn có thể phối chế đa nguyên liệu, sử dụng thức ăn bổ sung đậm đặc vật, thức vật, premix khoáng vi lượng và vitamin.

Không sử dụng nguyên liệu bị mốc hoặc bột cá có hàm lượng muối (NaCl) cao, đồ tương sử dụng phải được rang chín gà mới tiêu hóa được.

Trong 2 tuần đầu dùng khay ăn để cho gà ăn, mỗi lượt cho gà ăn chỉ cho lượng thức ăn vừa đủ. Một ngày đêm cho ăn 9-10 lượt để thức ăn luôn mới, thơm, hấp dẫn tính ngon miệng và tránh lãng phí.

Bảng 2: Chế độ dinh dưỡng giai đoạn gà con cho gà Ác Việt Nam và gà xơng đen Thái Hòa

Chi tiêu	Gà con	
	0-5 tuần	6-7 tuần
Năng lượng (Kcal/kg)	2950	2850
Protein (%)	22,00	19,00
Canxi (%)	1,10	1,00
Photpho (%)	0,70	0,70
Methionin (%)	0,50	0,50

Lyzin (%)	1,20	1,00
-----------	------	------

Bảng 3: Chế độ dinh dưỡng giai đoạn gà con cho gà H' Mông

Chi tiêu	Gà con	
	0 – 4 tuần	5 – 6 tuần
Năng lượng (Kcal/kg)	2950	2850
Protein (%)	22,00	19
Canxi (%)	1,10	0,43
Photpho (%)	0,70	1,0
Methionin (%)	1,20	1,10
Lyzin (%)	0,50	0,80

f. Mật độ

Đảm bảo mật độ 15 – 20 con/m².

Ngoài ra cũng có thể nuôi theo phương pháp chăn thả. Đối với phương thức nuôi chăn thả thì các khâu chuẩn bị chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi, chọn gà giống một ngày tuổi, nhiệt độ, ẩm độ... cũng giống như phương thức nhốt hoàn toàn. Đối với phương thức này cần có thêm vườn rộng để thả gà ở tất cả các giai đoạn. Mùa hè (4-5 tuần), mùa đông (7-8 tuần) chọn ngày đẹp trời thả gà ra ngoài 2-3 tiếng cho tập làm quen với môi trường trong vòng 3-5 ngày rồi mới thả cả ngày.

Gà thả ra thường tự kiếm mồi (sâu, bọ, giun, dế, thóc rơi,...). Ngoài ra chỉ cần bổ sung thêm rau xanh, cỏ, com nguội thừa, củ quả,... Như vậy sẽ rút bớt được 20-25% lượng thức ăn phải đầu tư so với thức ăn nuôi nhốt. Mật khác nuôi gà theo phương thức chăn thả, gà được vận động nhiều sẽ tăng cường sức khỏe.

1.2. Giai đoạn gà dò, gà hậu bị

Giai đoạn này liên quan chặt chẽ đến khả năng sinh sản, do vậy cần thực hiện nghiêm túc chế độ chăm sóc nuôi dưỡng để đảm bảo đàn giống duy trì sức khỏe tốt, mức độ đồng đều cao.

+ Cho gà ăn hạn chế với thức ăn có mức dinh dưỡng thấp để gà không bị béo, ảnh hưởng đến khả năng sinh sản sau này.

+ Theo dõi mức ăn và khối lượng cơ thể thường xuyên và đối chiếu với hướng dẫn của nhà sản xuất con giống.

Chế độ dinh dưỡng giai đoạn gà dò, hậu bị (8 – 18 tuần):

Bảng 4: Chế độ dinh dưỡng giai đoạn gà dò, hậu bị cho gà Ác Việt Nam và gà xương đen Thái Hòa

Chi tiêu	Gà dò	Gà hậu bị
----------	-------	-----------

	8-16 tuần	17-18 tuần
Năng lượng (Kcal/kg)	2800	2750
Protein (%)	15,50	16,50
Canxi (%)	1,10	2,60
Photpho (%)	0,60	0,65
Methionin (%)	0,40	0,40
Lyzin (%)	0,80	0,90

Bảng 5: Chế độ dinh dưỡng giai đoạn gà dò, gà hậu bị cho gà H' Mông

Chi tiêu	Gà dò	Gà hậu bị
	7-17 tuần	18-20 tuần
Năng lượng (Kcal/kg)	2700	2700
Protein (%)	15,5 – 14,5	16,5
Canxi (%)	0,3 – 0,35	0,35 – 0,38
Photpho (%)	0,7 – 0,75	0,85 – 0,95
Methionin (%)	1,02 – 1,10	2,2 – 2,4
Lyzin (%)	0,7	0,7

Để cho đàn gà đồng đều khi cho ăn hạn chế cần đảm bảo 10-12 con/máng đối với máng dài, máng tròn 15-16 con/máng. Máng uống 10-12 con/máng. Mật độ nuôi 7-8 con/m².

+ Độ cao chuồng: Cần đảm bảo dày 6- cm.

+ Ánh sáng: Sử dụng ánh sáng tự nhiên.

Lưu ý:

- Cần ngăn chặn các hiện tượng mổ cắn nhau. Nguyên nhân chủ yếu là do gà không được ăn đầy đủ về dinh dưỡng (chẳng hạn thiếu vitamin hoặc muối), thừa ánh sáng, mật độ nuôi dày, chuồng ngột ngạt. Những nguyên nhân trên cần xác định sớm, những con hay mổ cắn cần phải tách nhốt riêng, bởi rất khó loại bỏ tập tính mổ cắn nhau nếu nó trở thành thói quen của đàn, những con bị mổ cũng cần được tách riêng và dùng Xanh-metylen bôi vào vết mổ cắn.

- Giai đoạn này có thể kết hợp nuôi chăn thả để gà tận dụng thêm thức ăn có sẵn trong thiên nhiên, gà được vận động sẽ tăng cường sức khỏe.

- Giai đoạn gà dò rất quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng sinh sản của đàn gà, do vậy cần chú ý đến sức khỏe của đàn gà và đảm bảo mức độ đồng đều. Gà được vận

động nhiều sẽ tiêu hao nhiều năng lượng, tránh được hiện tượng tích mỡ. Nếu nuôi thả, lượng thức ăn phải cung cấp cho gà giai đoạn này chỉ bằng 60 – 70% so với nuôi nhốt hoàn toàn.

1.3. Giai đoạn sinh sản

a. Chọn lọc gà và mật độ nuôi

Gà mái lên đẻ biểu hiện phát dục bằng độ sáng bóng của lông, mào, tích, bộ lông áp sát vào thân.

Mật độ nuôi 5-6 con/m². Để duy trì mật độ nuôi, nên chia thành từng lô 300-500 con.

b. Chuồng nuôi

Phải đảm bảo sạch sẽ, độn chuồng dày 8-10 cm bằng phoi bào hoặc trấu, có rèm che để tránh mưa hắt.

Ổ đẻ đổ trấu hoặc phoi bào mới vào dày 10-12 cm, tránh ánh sáng chiếu trực tiếp vào ổ đẻ.

c. Ánh sáng

Giai đoạn này ngoài ánh sáng tự nhiên (10-12 giờ/ngày) cần phải bổ sung thêm ánh sáng bằng cách thắp điện và buổi tối hoặc sáng sớm cho đạt 16 giờ chiếu sáng/ngày với cường độ chiếu sáng 3 W/1m² chuồng nuôi (một bóng điện công suất 60W treo cao 2m dùng cho 20m² nền chuồng).

d. Thức ăn, nước uống

- Khi thay khẩu phần thức ăn gà hậu bị sang thức ăn gà đẻ nên tiến hành từ từ:

2 ngày đầu 75% thức ăn gà dò + 25% thức ăn gà đẻ

2 ngày tiếp 50% thức ăn gà dò + 50% thức ăn gà đẻ

2 ngày tiếp 25% thức ăn gà dò + 75% thức ăn gà đẻ

Từ ngày thứ 7 cho ăn 100% thức ăn gà đẻ.

Bảng 6: Chế độ dinh dưỡng giai đoạn sinh sản

Chỉ tiêu	Gà Ac Việt Nam và gà xương đen Thái xương đen Thái Hòa > 21 tuần	Gà H Mông > 20 tuần
Năng lượng (Kcal/kg)	2750	2750
Protein (%)	17	17 – 17,5
Canxi (%)	3,33	3,45
Photpho (%)	0,7	1,05
Methionin (%)	0,45	3 – 3,5
Lyzin (%)	1	0,7

- Thức ăn cần đảm bảo chất lượng tốt, không ôi mốc, đặc biệt cần bổ sung bột đá, bột vỏ sò nhiều gấp 2-3 lần các giai đoạn trước để cung cấp nguyên liệu tạo vỏ trứng. Có thể sử dụng 8-10% thóc mầm trong thức ăn để đảm bảo khả năng sinh sản và tỷ lệ phôi.

- Khi thời tiết mát gà ăn được lượng thức ăn nhiều hơn, do vậy chỉ cần lượng protein trong khẩu phần là 17%, mùa hè trời nóng gà ăn ít vì vậy cần tăng lượng protein lên 17,5% để đảm bảo lượng protein trong quá trình tạo trứng.

- Ở tuần tuổi này gà bắt đầu vào đẻ. Nếu nuôi chăn thả thì lượng thức ăn bổ sung cho gà chỉ bằng 85-90% so với phương thức nuôi nhốt. Thức ăn được chia làm 2 lần/ngày (sáng và chiều). Giai đoạn này cần bổ sung thêm nhiều rau xanh cho gà để tăng thêm vitamin trong khẩu phần.

- Nước uống phải thường xuyên đủ và sạch, mỗi ngày thay nước 2-3 lần.
- Khi gà đẻ đặt đỉnh cao cần bổ sung các loại vitamin vào nước uống.
- Thu trứng mỗi ngày 3-4 lần để đảm bảo trứng sạch và tránh bị dập vỡ.

2. Kỹ thuật nuôi gà thịt

a. Chế độ dinh dưỡng

Việc chăm sóc, nuôi dưỡng thỏa mãn đầy đủ các nhu cầu sinh lý theo giai đoạn sẽ khai thác tối đa tiềm năng di truyền của giống gà.

Bảng 7: Chế độ dinh dưỡng nuôi gà Ác lấy thịt

Chi tiêu	Giai đoạn	
	0-5 tuần	6-7 tuần
Năng lượng (Kcal/kg)	2950	2950
Protein thô (%)	21,0	20,0
Canxi (%)	1,0	0,9
Photpho (%)	0,65	0,65
Methionin (%)	0,5	0,4
Lyzin (%)	1,1	1,0

Bảng 8: Chế độ dinh dưỡng nuôi gà xương đen Thái Hòa lấy thịt

Thành phần dinh dưỡng	Giai đoạn (tuần)		
	0 - 5	6 - 8	9 – giết thịt
Protein thô (%)	21,0	20,0	19,0
Năng lượng (Kcal/kg)	2950	2950	3150
Canxi (%)	1,0	0,9	0,9
Photpho (%)	0,65	0,65	0,60

Lyzin (%)	1,1	1,0	1,0
Methionin (%)	0,5	0,4	0,4

Bảng 9: Chế độ dinh dưỡng nuôi gà H' Mông lấy thịt

Thành phần dinh dưỡng	Giai đoạn (tuần)		
	0 - 4	5- 8	9 – giết thịt
Protein thô (%)	19	18	16
Năng lượng (Kcal/kgTĂ)	2900	2950	3100
Canxi (%)	1,2	1,19	1,18
Photpho tổng số (%)	0,77	0,76	0,78
Lyzin (%)	1,08	1,05	0,97
Methionin (%)	0,42	0,39	0,38

b. Chăm sóc nuôi dưỡng

- Chế độ chăm sóc, quản lý tương tự như nuôi gà sinh sản.
- Gà được ăn tự do suốt ngày đêm (ăn càng nhiều càng tốt).
- Thời gian chiếu sáng 24/24 giờ (ban ngày dùng ánh sáng tự nhiên, ban đêm thấp sáng bằng bóng điện). Trong điều kiện thời tiết và nhiệt độ của môi trường thuận lợi (ấm áp, khô ráo) thì sau 3 – 4 tuần tuổi (nếu thời tiết lạnh dưới 20⁰C thì sau 5 – 6 tuần) có thể thả cho gà vận động, cơ ăn chắc, khi giết mổ thịt không bị nhão.

c. Thức ăn

Khẩu phần ăn phải được cân đối đầy đủ các chất dinh dưỡng đáp ứng nhu cầu phát triển cho từng giai đoạn nuôi. Thức ăn phối chế đa nguyên liệu, sử dụng đậm nguồn gốc từ thực vật, động vật, premix vitamin, khoáng vi lượng..

Không dùng nguyên liệu phát hiện bị nấm mốc, nhiễm độc tố aflatoxin, hoặc bột cá mặn.

Quy trình thú y phòng bệnh cho gà đặc sản nuôi sinh sản

Ngày tuổi	Vaccin, thuốc và cách dùng
1 - 4	Vaccin Marek, tiêm 1 ngày tuổi dưới da cổ hoặc da đùi Phòng bệnh đường ruột bằng một trong các kháng sinh sau: - Octamix 1 g/4 – 6 lít nước - Gentadox 70mg/1kg khối lượng cơ thể - Genta-costrim 50mg/kg khối lượng cơ thể Cho uống thêm các loại vitamin tổng hợp
3 - 8	Phòng bệnh nấm phổi bằng Nistatin, cho uống hoặc trộn cám 50mg/kg khối lượng cơ thể

7	Chủng đậu lần 1. Vacxin Gumboro, nhỏ mắt, nhỏ mũi
10	Vacxin IB + ND Ma5 Clon 30 lần 1, nhỏ mắt mũi (phòng bệnh Newcastle và viêm phế quản truyền nhiễm)
12 - 15	Phòng bệnh đường hô hấp bằng: Tylosin 0,5 g/ 1 lít nước hoặc Tiamulin 100mg/1 lít nước Vacxin cúm gia cầm H5N1 tiêm lúc 15 ngày tuổi dưới da cổ.
20 - 24	Phòng bệnh cầu trùng bằng một trong những loại thuốc sau: - Esb3 1g/1 lít nước - Vetpro 1g/1 lít nước - Baycox 1 g/1 lít nước uống 2 ngày liên tục
25	Vacxin IB + ND Ma5 Clon lần 2, nhỏ mắt mũi Cho uống thêm các loại vitamin tổng hợp
25 - 28	Phòng bệnh cầu trùng bằng một trong những loại thuốc đã nêu trên
45	Vacxin Newcastle Hệ I hoặc ND-imulsion, tiêm dưới da Cho uống thêm các loại vitamin tổng hợp
50 - 70	Phòng cầu trùng ruột non + E. coli bằng một trong những thuốc đã nêu trên kết hợp với kháng sinh
90 - 112	Phòng bệnh đường hô hấp và đường ruột: Tylosin 10mg/1kg khối lượng cơ thể kết hợp với Genta costrim 50mg/1kg khối lượng cơ thể. Liệu trình từ 3 – 5 ngày Hoặc có thể dùng Enrovet (10%) 1ml/10kg khối lượng cơ thể, cho uống
120 - 130	Tiêm vacxin nhũ dầu 3 bệnh Newcastle, viêm phế quản truyền nhiễm và hội chứng giảm đẻ (ND + ID + EDS) Bổ sung ADE Cứ 1 tháng phòng bệnh bằng kháng sinh cho đàn gà đẻ 1 lần.
150	Vacxin cúm gia cầm H5N1, tiêm dưới da cổ

Quy trình thú y phòng bệnh cho gà đặc sản nuôi thịt

Ngày tuổi	Vacxin, thuốc và cách dùng
1 – 4	Vacxin Trovac phòng cúm gia cầm, tiêm dưới da cổ Phòng bệnh đường ruột bằng một trong các kháng sinh sau: - Octamix 1 g/4 – 6 lít nước - Genntadox 0,5 mg/1kg khối lượng cơ thể - Gen-constrim 50mg/kg khối lượng cơ thể Cho uống thêm các loại vitamin tổng hợp
3 - 8	Phòng bệnh nấm phổi bằng Nistatin, cho uống hoặc trộn cám 50mg/kg khối lượng cơ thể
7	Chủng đậu
10	Vacxin IB + ND Ma5 Clon 30 lần 1, nhỏ mắt mũi (phòng bệnh Newcastle và viêm phế quản truyền nhiễm)
12 - 15	Phòng bệnh đường hô hấp bằng: Tylosin 0,5 g/ 1 lít nước hoặc Tiamulin 100mg/1 lít nước
20 - 24	Phòng bệnh cầu trùng bằng một trong những loại thuốc sau: - Esb3 1g/1 lít nước - Vetpro 1g/1 lít nước - Baycox 1 g/1 lít nước uống 2 ngày liên tục
25	Vacxin IB + ND Ma5 Clon lần 2, nhỏ mắt mũi Cho uống thêm các loại vitamin tổng hợp
25 - 28	Phòng bệnh cầu trùng bằng một trong những loại thuốc đã nêu trên
45	Vacxin Newcastle Hệ I hoặc ND-imulsion, tiêm dưới da

IV. MỘT SỐ BỆNH THƯỜNG GẶP Ở GÀ ĐẶC SẢN

BỆNH NIUCATXON

Bệnh Niucatxon (Newcastle) còn được gọi là bệnh “dịch tả gà”, dân gian hay gọi là bệnh gà rù, bệnh gây ra do siêu vi trùng (virus) với các triệu chứng điển hình là viêm các niêm mạc, đường tiêu hóa xuất huyết, có hội chứng thần kinh, viêm đường hô hấp, gà ủ rũ, phân trắng hoặc hơi xanh, thở khó, giai đoạn cuối gà có triệu chứng thần kinh: đi siêu vẹo, cổ ngoẹo sang một bên, mổ không trúng thức ăn.

1. Nguyên nhân

Virus gây bệnh được phân thành 3 nhóm theo độc lực:

- Chủng độc lực mạnh gây bệnh nặng, tỷ lệ chết cao.
- Chủng độc lực vừa: gây chết gà ở mức độ bình thường.
- Chủng độc lực yếu: ít gây chết, gà mắc bệnh nhẹ, thường chỉ gây bệnh đường hô hấp (thở khò khè).

2. Lây truyền

Bệnh Niucatxon rất dễ lây nhiễm qua đường hô hấp và tiếp xúc giữa gà bệnh và gà khỏe. Lây nhiễm giữa các trại do dụng cụ, thiết bị do con người, phương tiện đi lại. Lây truyền do chim hoang dại nhiễm bệnh bay từ trại này sang trại khác.

Có thể lây do vacxin đã nhiễm mầm bệnh từ trong trứng.

Thời gian nung bệnh từ 3-6 ngày.

3. Triệu chứng lâm sàng

Người ta chia Niucatxon thành 4 dạng bệnh tùy theo độc lực của chủng virus gây bệnh.

a. Dạng bệnh do chủng độc lực mạnh

Bệnh xuất hiện đột ngột và lây mạnh, gà chết nhanh trong vòng 3-4 ngày và không biểu hiện rõ triệu chứng bệnh. Nhiều khi gà không thể hiện rõ triệu chứng hô hấp hay triệu chứng thần kinh.

- Triệu chứng về hô hấp: Thở, ho, lờ đờ, mào tím tái
- Triệu chứng về tiêu hóa: Phân lỏng trắng, đôi khi có máu
- Nếu kéo dài bệnh biểu hiện thần kinh: đầu ngoẹo, cổ cong, đi vòng tròn, mổ không trúng
- Đẻ giảm, trứng non nhiều
- Tỷ lệ chết tới 70-90%

b. Dạng bệnh do chủng độc lực trung bình

Bệnh lây mạnh, chết kéo dài, biểu hiện triệu chứng, bệnh tích rõ.

- Gà lù rù, mào tím từng đám
- Gà ít uống nước, ho thở khò khè, phân loãng trắng hơi xanh hoặc hơi vàng.
- Bệnh kéo dài từ 7-12 ngày, xuất hiện triệu chứng thần kinh: đầu ngoẹo hoặc liệt, cổ vẹo, đi vòng tròn, không mổ chính xác.

- Tỷ lệ đẻ giảm, trứng non nhiều
- Tỷ lệ chết từ 10-40%

c. Dạng bệnh do chủng độc lực yếu

Chủ yếu là gà con, gà dò. Ho thở khò khè, lù đù, phân loãng, nhiều cặn màu trắng, tỷ lệ đẻ giảm

d. Dạng mang trùng (có hoặc triệu chứng không rõ)

Gà hơi mệt mỏi, kém ăn. Không chết nhưng nguy hiểm là tàng trữ mầm bệnh làm lây nhiễm cho gà mới nhập.

4. Bệnh tích

Nhìn chung bệnh do chủng virus độc lực cao và trung bình gây ra có mầm tích: xuất huyết đường tiêu hóa và có nhiều điểm loét ở miệng, họng, thực quản, đặc biệt ở dạ dày tuyến có từng đám tụ huyết, xuất huyết đỏ ở ruột non, ruột già, hậu môn xuất huyết rõ.

Niêm mạc mũi, khí quản viêm cata có dịch nhầy, có nhiều bọt khí ở túi khí. Màng não bị xuất huyết đỏ như đầu đinh ghim. Các cơ quan phủ tạng khác ít biến đổi.

5. Chuẩn đoán

- Dùng phản ứng huyết thanh học
- Dùng phương pháp nuôi cấy virus

Đối với những người chăn nuôi nhỏ, phương pháp chủ yếu dựa vào triệu chứng lâm sàng: phân loãng xanh, vàng, lù đù cả đàn, tỷ lệ chết cao, bệnh kéo dài có triệu chứng thần kinh. Đặc biệt là bệnh tích xuất huyết ở dạ dày tuyến, xuất huyết ở ống tiêu hóa từ miệng đến hậu môn.

6. Điều trị và phòng bệnh

Không có thuốc đặc hiệu điều trị được bệnh Niucatson. Tuy nhiên, có thể dùng một số loại thuốc dân gian, kháng sinh điều trị các loại vi khuẩn kế phát cho kết quả nào đó trong chăn nuôi nhỏ gia đình.

a. Điều trị

- Dùng kháng thể Gumboro, cho uống với liều lượng:

Gà dưới 500g: 0,5ml/con

Gà trên 500g: 1ml/con

- Dùng các loại kháng sinh phổ thông như: Tetracyclin, Ampicillin, Gentamycin, Enrofloxacin để ngăn chặn vi khuẩn kế phát.

- Dùng các thuốc bồi dưỡng tăng cường sức đề kháng

b. Phòng bệnh

Tiêm vacxin (theo lịch) và thực hiện tốt vệ sinh an toàn sinh học.

BỆNH CÚM GIA CẦM

Bệnh cúm gia cầm do các virus cúm typ A thuộc họ virus Orthomyxoviridae gây nên. Bệnh này được miêu tả lần đầu tiên ở Italia năm 1878 và được gọi là bệnh dịch tả cổ điển, virus gây bệnh được phân lập vào năm 1901. Các loài chim hoang dã đóng vai trò cực kỳ quan trọng trong việc lưu hành mầm bệnh đi khắp nơi và được coi như là các vật chủ tự nhiên của virus cúm A. Bệnh gây nên tỷ lệ bệnh và tỷ lệ chết rất cao, có thể lên tới 100% cho các loại gia cầm, đặc biệt có một số chủng virus này có thể gây tử vong cho con người.

1. Nguyên nhân

Dựa và đặc tính của các kháng nguyên trên bề mặt, virus cúm typ A được chia thành 15 subtyp H (hemagglutinin) và 9 subtyp N (Neuraminidase), các subtyp này kết hợp với nhau tạo thành các subtyp gây bệnh trên các loại gia cầm. Các virus cúm lưu hành trên người hiện nay chỉ gồm 3 subtyp HA (H1, H2, H3) và 2 subtyp N1 và N2.

Virus cúm cũng được chia thành 3 dạng độc lực khác nhau:

- Độc lực yếu – thường xuyên không gây biểu hiện triệu chứng lâm sàng.
- Độc lực trung bình – gây tỷ lệ chết và tỷ lệ bệnh từ 30 – 70%.
- Độc lực cao – gây tỷ lệ chết và tỷ lệ bệnh từ 90 – 100%.

2. Sức đề kháng của virus

Sức đề kháng của virus cúm với môi trường bên ngoài ở mức độ trung bình. Trong phân, virus có thể tồn tại 30 ngày với nhiệt độ 4⁰C, 7 ngày ở nhiệt độ 20⁰C, 3 phút ở nhiệt độ 70⁰C, Trong thức ăn, nước uống virus có thể tồn tại hàng tuần. Hầu hết các chất sát trùng thông thường có thể tiêu diệt được virus.

3. Dịch tễ học

- Loài vật mắc bệnh: gà, ngan, vịt, chim cút, ngỗng, đà điểu, chim câu, nhưng trong đó vịt là con mang mầm bệnh nhưng lại ít có biểu hiện lâm sàng, đây cũng là nguồn reo rắc mầm bệnh ra ngoài môi trường.

- Lứa tuổi mắc bệnh: mọi lứa tuổi đều có thể mắc bệnh này, nhưng miễn cảm nhất là giai đoạn gia cầm bắt đầu vào đẻ hoặc đang ở giai đoạn đẻ cao nhất.

- Thời gian nung bệnh: từ 1 – 3 ngày hoặc có thể lên tới 21 ngày tùy theo độc lực của virus.

Bệnh này thường xảy ra cấp tính, bệnh xảy ra rất nhanh lây lan giữa các cá thể trong một ô, nhưng lây lan chậm từ khu vực này sang khu vực khác, ở những lần đầu với tỷ lệ chết rất cao từ 90 – 100%

4. Triệu chứng lâm sàng

Ở những đàn gia cầm bị mắc bệnh đầu tiên thường xảy ra cấp tính với các triệu chứng điển hình như sau:

- Mào và tích sưng to, phù nề
- Mắt sưng xung quanh mí mắt bị phù
- Gia cầm sốt rất cao, khó thở, lông xù, giảm vận động, giảm đẻ trứng.
- Ía chảy phân màu xanh, trắng
- Có thể nhìn thấy da chân xuất huyết
- Có hiện tượng rối loạn thần kinh.

5. Bệnh tích

- Khí quản sưng huyết hoặc xuất huyết, có nhiều dịch
- Túi khí dày, phổi tụ máu, thủy thũng
- Xuất huyết điểm lan tràn trên bề mặt ở tất cả các cơ quan phủ tạng
- Ruột viêm xuất huyết, van hồi manh tràng và hậu môn xuất huyết, đặc biệt là xuất huyết ở dạ dày tuyến
- Màng bao tim, cơ tim xuất huyết

- Gan, lách, buồng trứng xuất huyết
- Màng não xung huyết
- Có thể xuất huyết dưới da

6. Chuẩn đoán

Dựa vào triệu chứng bệnh tích, phân biệt với một số bệnh khác như Newcastle, viêm phế quản truyền nhiễm.

Chuẩn đoán trong phòng thí nghiệm bằng phản ứng HI và ELISA, trường hợp đặc biệt sử dụng PCR.

7. Phòng chống bệnh

- Giảm sát dịch bệnh để phát hiện sớm bệnh cúm
- Đảm bảo an toàn sinh học
- Để phòng bệnh này, hiện nay nước ta đang tiến hành tiêm vacxin cúm gia cầm, đó là 2 loại vacxim chết H5N1 và H5N2 do Trung Quốc và Intervet sản xuất.

BỆNH GUMBORO

1. Nguyên nhân

Đây là bệnh ở các cơ quan có thẩm quyền miễn dịch (túi Fabricius). Mà ở gà, túi fabricius là cơ quan chủ yếu để tạo ra miễn thể dịch thể. Bệnh gây ra do Birna virus. Virus này rất bền vững và khó tiêu diệt ở những trại nhiễm bệnh. Virus chịu được nhiệt độ 56⁰C trong 30 phút. Đề kháng với thuốc sát trùng Phenol O biomerosal o, 125%, Formalin 0,5% trong 6 giờ. Với ester và pH 2 – 11 virus không chết. Virus này chỉ gây bệnh cho gà còn các loại gia cầm khác không mắc bệnh này.

2. Lây truyền

Bệnh có tính chất truyền lây rộng rãi, rất dễ dàng từ gà này sang gà khác bởi phân, hơi thở, dịch viêm truyền qua quần áo, dụng cụ chăn nuôi giữa các trại.

3. Triệu chứng lâm sàng

Gà thường phát bệnh ở giai đoạn 20 – 60 ngày tuổi. Khi mới phát bệnh đàn gà trông nhón nhác, gà con bú rứt, khó chịu, hay chạy nhảy lung tung, gà mổ cắn lẫn nhau, hậu môn co bóp mạnh, sau đó giảm ăn uống, lông xù, lù đù, gầy giảm nhanh, đi lại run rẩy. Bệnh lây lan rất nhanh, chỉ mấy ngày có thể toàn đàn gà bị bệnh.

Lúc đầu phân loãng, trắng, sau đó loãng vàng nâu, phân dính xung quanh hậu môn. Tỷ lệ chết 10-20%, nếu kết hợp bệnh khác thì bệnh sẽ nặng hơn, tỷ lệ chết 50 – 60%.

Virus làm giảm sức chống đỡ hay giảm khả năng đáp ứng miễn dịch với nhiều bệnh do virus, vi khuẩn khác như: Bệnh viêm gan thể bao hàm (Inclusion Body Hepatitis), Newcastle, IB, ILT, các bệnh do vi trùng E. coli, Heamophilus, Pasteurella, Salmonella...

4. Mổ khám

Sau mấy ngày đầu bị nhiễm bệnh, khi mổ khám thường thấy: Túi Fabricius sưng to, thủy thũng màu kem, nhìn rõ các sọc trên bề mặt, có thể còn thủy thũng ở xung quanh túi Fabricius. Bên trong túi xuất huyết hoặc có nhiều dịch nhầy.

Sau 4 – 5 ngày nhiễm bệnh, túi bắt đầu teo, bên trong có nhiều điểm hoại tử và bã đậu; Xuất huyết thành từng vệt ở cơ đùi và cơ ngực; Thận sưng to, tích đầy muối urat màu trắng; Đôi khi thấy xuất huyết dạ dày tuyến và viêm xoang bao tim.

5. Chuẩn đoán

- Căn cứ vào triệu chứng lâm sàng
+ Đàn gà ủ rũ, ăn uống giảm, chạy nhảy lung tung, hay mổ hậu môn, cơ hậu môn co bóp mạnh.

+ Mổ khám thấy túi Fabricius mới đầu sưng. Bệnh mãn tính túi teo nhỏ thoái hóa. Bệnh tích xuất huyết cơ đùi, cơ ngực.

- Dựa theo tính chất dịch tế học
- Làm phản ứng huyết thanh học
- Phân lập virus

• Cần phân biệt với các bệnh

Bệnh tụ huyết trùng: Gà chết nhanh, dùng kháng sinh có hiệu quả ngay, túi Fabricius không sưng hoặc teo. Gan hoại tử lâm chấm, xuất huyết mỡ vành tim.

Bệnh Newcastle: Gà ủ rũ, phân trắng, xuất huyết trên mề, bệnh kéo dài. Bệnh Gumboro chỉ xảy ra trong vòng 5 – 10 ngày.

6. Điều trị và phòng bệnh

a. Điều trị

- Sử dụng kháng thể Gumboro. Kháng thể Gumboro là kháng huyết thanh đặc trị bệnh Gumboro.

- Liều lượng điều trị: Tiêm bắp thịt 1 – 2 ml/gà (khối lượng 1 kg).
- Dùng vitamin và chất điện giải + gluco cho gà uống

b. Phòng bệnh

Tiêm vaccin (theo lịch) và thực hiện tốt vệ sinh an toàn sinh học.

BỆNH VIÊM PHẾ QUẢN TRUYỀN NHIỄM

1. Nguyên nhân

Bệnh gây ra do virus thuộc nhóm Coronavirus, đã được phát hiện gây bệnh ở hầu hết các loại gà và các lứa tuổi, đặc biệt là gà công nghiệp. Virus chỉ gây bệnh ở gà, không gây bệnh ở vịt, ngan, ngỗng.

Con đường truyền bệnh là do hít thở không khí có mầm bệnh, lan truyền từ gà này sang gà khác do tiếp xúc. Bệnh cũng lây truyền qua thức ăn, nước uống, dụng cụ chăn nuôi.

2. Triệu chứng lâm sàng

Nếu gà mẹ được tiêm vaccin thì sau 3 tuần gà con mới mắc bệnh, vì trước đó nó có miễn dịch thụ động của gà mẹ truyền qua trứng.

Gà hắt hơi, thở khò khè, dịch nhờn tiết nhiều nên gà kêu “tooc, tooc”.

Gà ăn kém, chậm lớn, lông cánh xơ xác, nước từ miệng chảy dòng ướt cả chuồng, ỉa chảy nhẹ. Nếu ghép thêm CRD thì triệu chứng càng tăng, nếu ghép thêm E. coli thì chứng phân loãng xanh, vàng thêm nặng nề.

Tỷ lệ chết của gà con tới 20%. Gà mái tỷ lệ đẻ giảm 20%, vỏ trứng mềm, nhân do virus tác động lên ống dẫn trứng làm cho sự tạo thành vỏ trứng bị đình trệ.

3. Mổ khám

Khí quản, phế quản có dịch nhầy đầy bọt khí, thậm chí có khi phế quản chứa đầy những chất bã trắng.

Có trường hợp thấy trên màng bao tim, xoang phúc mạch và dưới da chứa uric trắng. Thận sưng to, ống dẫn ra hậu môn chứa đầy chất màu trắng, ở gà đẻ bệnh buồng trứng teo, ống dẫn trứng ngắn.

4. Chẩn đoán

Căn cứ vào triệu chứng lâm sàng: thở khó, tăng ure huyết, vỏ trứng mềm nhão.

- Dùng phản ứng huyết thanh học để chuẩn đoán
- Dùng phương pháp nuôi cấy phân lập virus

5. Điều trị và phòng bệnh

a. Điều trị

Dùng kháng thể Gumboro với liều 1 ml/con dưới 500g và 2 ml/com trên 500g.

Ngoài ra, có thể dùng các kháng sinh phổ rộng để điều trị các loại khuẩn kể phát như: E. Coli, Mycoplasma, Pasteurella

b. Phòng bệnh

Tiêm vacxin (theo lịch) và thực hiện tốt vệ sinh an toàn sinh học.

BỆNH MAREK

1. Nguyên nhân và dịch tễ

Bệnh Marek do Herpes virus gây nên. Virus này gây tăng sinh các tế bào lympho tạo ra các khối u trong cơ quan nội tạng, làm suy giảm miễn dịch, gây viêm dây thần kinh làm gà bị liệt chân hoặc cánh. Bệnh này xảy ra khắp nơi trên thế giới gây thiệt hại lớn về mặt kinh tế.

Phương thức lây truyền: Do gà hít thở phải mầm bệnh qua đường hô hấp và mầm bệnh luôn có mặt trong không khí. Virus thường có mặt trong các tế bào nang lông, bệnh có thể lây nhiễm qua dụng cụ hoặc người chăn nuôi.

2. Triệu chứng

Bệnh thường xảy ra ở gà từ 2 – 5 tháng tuổi, tuy nhiên gà cũng có thể mắc bệnh từ 3 tuần tuổi.

Thời gian nung bệnh: sau 6 ngày xuất hiện biến đổi vi thể trong tổ chức lympho; sau 3 – 4 tuần xuất hiện triệu chứng lâm sàng và bệnh tích đại thể.

Thường người ta chia bệnh Marek làm 2 thể bệnh: thể cấp tính và thể cổ điển

- *Thể cấp tính*: Bệnh xảy ra ở gà, gà bị ủ rũ, lông xù, sã cánh nhẹ, loạn choạng, nhiều con chết mà không có triệu chứng bệnh tích điển hình. Gà chết nhiều nhất vào lúc trước và sau khi đẻ vài ba tuần, khả năng đẻ và tỷ lệ đẻ giảm rõ rệt.

- *Thể cổ điển*: Thường có triệu chứng thần kinh, gà bị liệt chân và cánh với tư thế rất điển hình là: một chân duỗi thẳng căng ra phía trước, chân còn lại duỗi căng ra phía sau, xuất hiện các khối u ở trên da. Đồng tử mắt bị biến đổi, thủy tinh thể đục, móng mắt chuyển sang màu vàng lưu huỳnh, có con bị mù. Xác gà chết gầy và xác xơ.

3. Bệnh tích

Khối u có mặt trên khắp các cơ quan nội tạng như gan, lách, thận, tim, buồng trứng, tinh hoàn, dạ dày, tụy, tuột, túi fabricius... Khối u ở gan chiếm tỷ lệ cao nhất, xuất hiện cả u kết hạt

lẫn u lan tỏa, trên mặt gan hoặc trong thùy gan có những khối u to nhỏ khác nhau, u có màu trắng xám

Các dây thần kinh ngoại biên thường bị sưng to, có màu vàng trắng và hay bị 1 trong 2 dây chứ ít khi bị cả 2 dây đối xứng

Túi fabricius thường bị teo nhỏ

4. Chẩn đoán

Căn cứ vào triệu chứng lâm sàng và bệnh tích.

Dựa vào chuẩn đoán huyết thanh học: RIF test – Resistant including factor, phản ứng miễn dịch huỳnh quang, phản ứng kết tủa khếch tán trên thạch

Phương pháp virus học: Dùng test của Von – Biilow và phân lập virus qua tế bào thận

5. Phòng chống bệnh

Vệ sinh tú y chặt chẽ, trước khi ấp phải xông trứng cẩn thận, vệ sinh khu nhà ấp. Chuẩn bị chuồng nuôi gà con theo đúng nguyên tắc thú y. Vệ sinh khu chuồng trại nuôi sạch sẽ. Phun sát trùng chuồng trại định kì. Vệ sinh thức ăn nước uống. Không chuyển gà vào chuồng có nhiều lứa tuổi khác nhau và chuồng có vấn đề bệnh Marek

Đối với đàn gà đẻ sinh sản, cần tiêm vacxin Marek vào lúc 1 ngày tuổi.

BỆNH E. COLI

1. Nguyên nhân

Bệnh E. coli do vi khuẩn Escherichia coli (E. coli) gây ra. E. coli là vi khuẩn gram âm, kích thước $2-3 \times 0,6 \mu m$. Có thể nuôi cấy vi khuẩn trên môi trường thạch thông thường ở $37^{\circ}C$. Vi khuẩn E. coli là nguyên nhân gây nên tỷ lệ chết phôi cao, gây dung huyết, viêm ruột, viêm khớp... và viêm bã đậu trong trường hợp gà bị CRD hoặc có mặt ở các bệnh do virus. Hiện nay người ta đã phân lập được 240 chủng vi khuẩn E. coli nhưng chỉ có một số chủng gây bệnh ở gia cầm.

2. Phương thức truyền lây

Bệnh E. coli có thể truyền dọc qua trứng nếu gà mẹ bị nhiễm. Gà bị nhiễm bệnh do vệ sinh môi trường hoặc thức ăn nước uống không đảm bảo vệ sinh, do đường hô hấp hoặc đường ruột bị tổn thương, do tiếp xúc giữa các gà bị bệnh.

3. Triệu chứng, bệnh tích

Thời gian nung bệnh sau khi làm thí nghiệm từ 1 – 2 ngày.

Vi khuẩn E. coli gây bệnh với các cá thể như sau:

- *Thể viêm túi lòng đỏ và viêm rốn*

Tỉ lệ ốm và tỉ lệ chết khá cao 5 – 10%. Gà con bị ỉa chảy, nặng bụng, gà tập trung thành từng đám. Mở khám thấy viêm túi lòng đỏ, lòng đỏ không tiêu, chuyển màu. Viêm xoang phúc mạc, viêm ruột.

- *Thể bại huyết (dung huyết)*

Xảy ra cấp tính trên tất cả lứa tuổi của gia cầm. Đầu tiên, gà giảm ăn, mệt mỏi, lông xơ xác, không thích vận động. Ở gà mái thường bị giảm đẻ. Tỉ lệ chết ở gà con có thể 50%.

Ở thủy cầm thường phân lập thấy chủng gây bệnh O78. Bệnh xảy ra cũng cấp tính gây chết với tỉ lệ rất cao, với triệu chứng như trên. Bệnh tích thường thấy là viêm ruột, gan sưng to, sung huyết cơ, viêm xoang phúc mạc hoặc viêm xoang bao tim.

- *Thể viêm túi khí*

Thường kể phát sau các bệnh đường hô hấp, tụ huyết trùng, viêm phế quản truyền nhiễm. Túi khí viêm dày, phủ fibrin như bã đậu, có thể viêm lan sang màng gan, tim, xoang phúc mạc.

- *Thể viêm ruột*

Thường kết hợp hoặc kể sau các bệnh cầu trùng viêm ruột hoại tử, kí sinh trùng hoặc bệnh Gumboro. Gà thường bị ỉa chảy nặng, phân có dịch nhày, lẫn máu

- *Thể viêm vòi trứng*

Gây viêm dày phủ fibrin ở ống dẫn trứng, buồng trứng, có thể viêm lan ra xoang phúc mạc và túi khí. Gà giảm đẻ, tỉ lệ phôi giảm.

- *Thể viêm khớp và màng xương*

Các khớp sưng to, thường kể phát sau các bệnh về nhiễm độc máu và suy giảm miễn dịch. Thể này thường sẽ khỏi sau 1 tuần nhưng ở một số cá thể có thể bị liệt hoặc bị què.

- *Thể viêm kết hạt*

Thường gặp ở gà, gà tây, chim cút, công, đa đa. Tỉ lệ chết có thể lên tới 75%. Gà bị ỉa chảy, nếu chuyển sang mãn tính bà bị gầy sút. Khi mổ khám thấy có nhiều hạt màu vàng, cứng ở gan, ruột, thỉnh thoảng còn thấy xuất hiện cả trên da. Chúng gây ra bệnh này là O8, O9, O16.

- *Thể chết phôi*

Vi khuẩn xâm nhập qua vỏ trứng vào phôi gây chết phôi.

- *Thể viêm mắt*

Gây viêm xung quanh mắt hoặc kết mạc mắt, nhiều trường hợp bị mù.

4. Chẩn đoán

- Dựa vào triệu chứng lâm sàng và bệnh tích.
- Nuôi cấy vi khuẩn

5. Điều trị và phòng bệnh

a. Điều trị

Dùng một trong các loại kháng sinh sau:

- Genta – costrim 1g/10kg khối lượng cơ thể, cho uống 3 – 5 ngày.
- Octamix 1 g/20kg khối lượng cơ thể, cho uống 3 – 5 ngày.
- Flocidin (5%) 1ml/10kg khối lượng cơ thể, cho uống 3 – 5 ngày.
- All – treat 0,5ml/ 1 lít nước, cho uống 3 – 5 ngày
- Chlotetravit 8g/3kg thức ăn, dùng 3 – 5 ngày
- Ampicillin – septol 4g/5 – 7kg khối lượng cơ thể, hoặc 4g/2kg thức ăn. Dùng 3 – 5 ngày

b. Phòng bệnh

- Dùng kháng sinh phòng định kì
- Vệ sinh chuồng trại, phun chuồng và xung quanh chuồng nuôi theo định kì
- Vệ sinh nhà ấp và trứng ấp
- Đảm bảo vệ sinh thức ăn và nước uống.

BỆNH TỤ HUYẾT TRÙNG Ở GIA CẦM

1. Nguyên nhân

Bệnh tụ huyết trùng gia cầm ở nước ta gây ra do vi trùng *Pasteurella multocida*.

2. Lâm truyền

Đường lây truyền chính từ gà bệnh sang gà khỏe là do thức ăn, nước uống nhiễm mầm bệnh. Chuột cũng đóng vai trò truyền lây mầm bệnh do làm ô nhiễm nguồn nước và thức ăn. Gà, gà tây, vịt, ngan, ngỗng, chim cảnh và gia cầm khác rất mẫn cảm với bệnh.

3. Triệu chứng lâm sàng

- Cấp tính: gà chết đột ngột, mào tím tái, đi lại chập chạp, liệt chân hay liệt cánh. Phân trắng loãng hoặc trắng xanh, hoặc có máu tươi. Thở khó, chảy nước mũi, nước dãi. Vi trùng vào máu gây nhiễm trùng huyết làm cho gà chết nhanh.

- Á cấp tính: Mũi sưng, viêm khớp, bại liệt. Mắt sưng viêm kết mạc mắt. Gà đẻ tỷ lệ trứng giảm, tỷ lệ chết tăng. Ở nước ta gia cầm bị bệnh chết chiếm đến 90 – 100%.

4. Mổ khám

Bệnh cấp tính có đặc điểm chung là xuất huyết phủ tạng và thịt tím sẫm. Phổi đỏ, gan sưng, ruột sưng đôi khi có máu. Gà đẻ buồng trứng vỡ nát. Có thể thấy dịch thấm xuất nhầy như “pho mát” ở gan, tim. Đặc biệt trên mặt gan có những hoại tử trắng lấm tấm như đầu đim ghim.

5. Chẩn đoán

- Dựa vào triệu chứng lâm sàng và bệnh tích điển hình.
- Xét nghiệm vi trùng học và làm phản ứng huyết thanh học.

Lưu ý: Hiện tượng lách không sưng cơ thể loại trừ bệnh thương hàn và phó thương hàn gà. Hoại tử chỉ có ở bệnh tụ huyết trùng, có thể loại trừ bệnh Newcastle.

6. Điều trị và phòng bệnh

a. Điều trị

Dùng một trong các loại thuốc sau đây:

- Steptomycin 1g/5 ml nước cất, tiêm 100 – 150 mg/1kg khối lượng cơ thể/1 ngày liên tục 3 ngày.
- Ampicillin – septol 4g/5 – 7kg khối lượng cơ thể, hoặc 4g/2kg thức ăn. Dùng 3 – 5 ngày.
- Chlortetracycline 1 ml/5 kg khối lượng cơ thể, tiêm sâu bắp thịt, ngày 1 lần, liên tục 3 ngày.
- Genta – tylo: gà đẻ, gà hậu bị: 1 ml/1kg khối lượng cơ thể, tiêm dưới da: 3ml/con dưới 5 kg khối lượng cơ thể; 5 ml/con trên 5 kg khối lượng cơ thể. Dùng 3 – 5 ngày.
- Cosmix – fort 1 g/1 lít nước hoặc trộn 1 g/ 1 kg thức ăn. Dùng 3 – 5 ngày.
- Oxytetracycline 25mg/1kg khối lượng cơ thể 3 – 5 ngày.
- Genta-costrim 1g/10kg khối lượng cơ thể, cho uống 3 – 5 ngày.

b. Phòng bệnh

- Khi gà trên 1 tháng tuổi sử dụng vacxin nhũ đầu: 0,5ml/1 con. Sau 4 – 6 tháng tiêm nhắc lại lần 2.
- Dùng kháng sinh phòng bệnh định kỳ.

BỆNH THƯƠNG HÀN, PHÓ THƯƠNG HÀN, BẠCH LY Ở GÀ

1. Nguyên nhân

- Bệnh thương hàn gà gây bởi vi khuẩn *Salmonella gallinarium*
- Bệnh phó thương hàn gây bởi vi khuẩn *Salmonella typhimurium*
- Bệnh bạch ly gây bởi vi khuẩn *Salmonella pullorum*.

Bệnh liên quan đến nhau nhưng không đồng nhất

2. Lây nhiễm

Một trong những con đường lây nhiễm là vì gà giống mang trùng truyền qua trứng giống. Gà con nở ra từ trứng bệnh sẽ mắc bệnh thương hàn, bạch ly, ỉa phân trắng, tỷ lệ chết cao.

Gà con bệnh sẽ lây sang gà con khác do các chất thải từ miệng, phân, ăn uống chung với con khỏe.

Bệnh thương hàn ở gà lớn làm cho tỷ lệ gà chết cao. Truyền lây ngang qua chất thải, xác chết, gà bệnh, quần áo, giày dép và các phương tiện vận chuyển là con đường chính.

Gà, chim cú, vịt và một số loài gia cầm khác đều có khả năng bị bệnh.

3. Triệu chứng lâm sàng

- *Gà con*

Khi trứng bị nhiễm bệnh, tỷ lệ nở thấp, phôi bị sát hay gà con nở ra yếu. Vi trùng vào máu, phủ tạng làm gà chết dần hoặc ủ rũ, mệt mỏi. Phân màu trắng, đôi khi khó thở do vi trùng vào máu lên phổi. Gà chết tới 20%. Một số con thể hiện triệu chứng què chân và thần kinh. Sau một thời gian phân chuyển màu vàng, phân dính khô oqr xung quanh hậu môn, gà sã cánh, còi cọc chậm lớn.

- *Gà lớn*

Phân màu vàng, trắng, tỷ lệ đẻ giảm. Gà đẻ trứng non, méo mó do vi khuẩn làm bại huyết và cư trú ở buồng trứng gây viêm teo buồng trứng.

4. Mô khám

Bệnh tích không điển hình

Gà con chết mổ thấy có nhiều nốt hoại tử trắng như đầu đinh ghim ở gan, lách, tim phổi, thành ruột dày phủ bựa vàng.

Gà mái đẻ buồng trứng méo mó, trứng non màu sắc chuyển từ đỏ sang trắng (u nang buồng trứng).

5. Chẩn đoán

- Căn cứ vào triệu chứng và bệnh tích điển hình trên
- Làm phản ứng huyết thanh học (phản ứng ngưng kết).

6. Điều trị và phòng bệnh

a. Điều trị

Trong điều trị có thể dùng các loại thuốc sau:

- Octamix 1 g/20 kg khối lượng cơ thể, cho uống 3 – 5 ngày
- Floxindin 1ml/15kg khối lượng cơ thể, cho uống 3 – 5 ngày
- Tetrafura 5g/1 kg thức ăn dùng 3 – 5 ngày

- Cholotetravit 8g/2 – 3 kg thức ăn. Dùng 3 – 5 ngày
- Esb₃ (30%) 1g/1 lít nước. Dùng 3 – 5 ngày
- Genta – costrim 1 g/10 kg khối lượng cơ thể pha trộn với nước hoặc trộn với 3 kg thức ăn. Dùng 3 – 5 ngày
- Ampicillin (lo 10%): tiêm 1ml/5 kg khối lượng cơ thể. Dùng 3 – 5 ngày.

b. Phòng bệnh

- Vệ sinh thú y: Gà mới nên nuôi riêng để theo dõi. Chất độn chuồng phải thay đổi thường xuyên. Thức ăn, nước uống phải đặt sao cho không nhiễm bẩn từ phân, rác. Tẩy chuồng bằng Formol 2%, Chloramin T (Halamid) 0,2%.
- Sử dụng kháng sinh định kỳ

BỆNH HÔ HẤP MÃN TÍNH

1. Nguyên nhân

Tác nhân cơ bản gây bệnh hô hấp mãn tính là *Mycoplasma gallisepticum*. Điều kiện thường xuyên làm phát sinh bệnh là những virus hô hấp như virus gây bệnh Newcastle, virus gây viêm thanh khí quản (ILT) và sự xâm nhập của các vi khuẩn khác (*E. coli*).

Nguyên nhân stress: do di chuyển, bốc xếp hay là điều kiện không thích hợp, lạnh, thông gió kém làm cho gà dễ mắc bệnh hơn.

2. Lây nhiễm

Mycoplasma gallisepticum có thể truyền qua trứng sang đời con cháu. Mặt khác, gà nhiễm bệnh có thể do tiếp xúc hoặc bụi không khí, hoặc giọt hơi nước nhỏ từ gà bệnh sang gà khỏe. Thời gian ủ bệnh từ 4 ngày đến 3 tuần.

3. Triệu chứng lâm sàng

Gà con, gà dò, gà đẻ đều thở khó, khó khè. Gà thường kém ăn, tăng trọng giảm, tiêu tốn thức ăn cao. Gà lớn biểu hiện chung là chảy nước mũi, đặc biệt thở khó. Gà mái tỷ lệ đẻ trứng giảm 20 – 30%.

Bệnh thông thường ít làm chết gà, thể mãn tính làm giảm tăng trọng, tiêu tốn thức ăn ở gà dò và giảm sản phẩm trứng ở gà đẻ.

4. Mô khám

Khí quản viêm hơi đỏ, dịch rỉ viêm trắng ngà như “pho mát” dính trên túi khí, đặc biệt trong trường hợp bội nhiễm (thứ nhiễm do *E. coli*). Trong trường hợp bội nhiễm *Mycoplasma gallisepticum*, thể hiện nhầy nhẹ trên khí quản, đục vẩn hoặc bọt nhẹ ở túi khí, phổi phù thũng, mặt phổi phủ fibrin. Gà tây nhiễm *Mycoplasma gallisepticum* thường có xoang mũi phồng to dưới mắt.

5. Chẩn đoán

Chẩn đoán *Mycoplasma gallisepticum* có thể bằng phương pháp huyết thanh học, mô khám gà chết và cuối cùng, bằng phương pháp phân lập từ dịch thể đường khí quản hoặc túi khí từ gà bệnh.

Tỷ lệ nhiễm bệnh ở gà thương phẩm ở miền Bắc Việt Nam tới 51,6%; còn gà giống là 10%.

Chẩn đoán phân biệt: cần phân biệt với bệnh do virus gây bệnh đường hô hấp (Newcastle, viêm phế quản), với nhiễm trùng thứ phát (E. coli,...) có thể bệnh phủ tạng tương tự.

6. Điều trị và phòng bệnh

a. Điều trị

Dùng một trong các loại thuốc sau:

- Tylosin 100mg/kg khối lượng cơ thể cho uống. Cụ thể 1 g pha với 0,5 lít nước cho uống liên tục 5 – 7 ngày; hoặc 2g trộn với 0,5kg thức ăn.
- Tiamulin 250 mg/1 lít nước hoặc trộn với 0,5 kg thức ăn; 3-5 ngày.
- Genta-tylo 1 – 1,5 ml/kg khối lượng cơ thể tiêm dưới da, dùng 3-5 ngày
- Genta-costrim 1g/2 lít nước hoặc trộn 1 -2kg thức ăn, dùng 3 – 5 ngày.

b. Phòng bệnh

Có thể sử dụng các loại vaccin để phòng bệnh:

- Nobi – vac MG do Intervet (Hà Lan) sản xuất: là loại vaccin vô hoạt tiêm dưới da cho gà con (0,5ml/con) vào 2 – 3 tuần tuổi. Trước khi tiêm lắc chai cho tan thuốc.
- Mycovac – L do Intervet (Hà Lan) sản xuất: là loại vaccin sống đông khô dùng dưới dạng phun sương hoặc nhỏ mũi cho gà từ 6 tuần tuổi.

Thực hiện vệ sinh thú y an toàn sinh học

BỆNH CẦU TRÙNG

1. Nguyên nhân

Bệnh cầu trùng gây nên bởi ký sinh trùng (KST) lớp đơn bào. Ở gà có 0 loại cầu trùng khác nhau, 5 loại thường gặp nhất trong các ổ dịch: E. maxima; E. necatrix; E. brunetti; E. acevulina; E. tenella.

2. Lây truyền

Chủ yếu qua chất thải của gà bệnh. Sau khi gà con ăn phải noãn nang của cầu trùng, các bào tử xâm nhập vào các tế bào biểu mô thành ruột phá hủy tế bào gây xuất huyết, thể hiện là phân đỏ lẫn máu. Thời kỳ nung bệnh 4 – 6 ngày.

Mỗi loại gia cầm có loài cầu trùng riêng, không truyền lẫn nhau.

3. Triệu chứng lâm sàng

- E. acevulina gây bệnh ở gà mọi lứa tuổi. Bệnh ở thể nhẹ, có triệu chứng chủ yếu là: giảm trọng lượng, phân lỏng trắng. Gà mắc bệnh ít chết. Mở khám thấy phân tá tràng dày, sung phù, sung huyết đỏ.
- E. brunetti gây bệnh ở gà mọi lứa tuổi: Gây bệnh tích viêm ở phần sau của đường tiêu hóa như manh tràng, kết tràng, trực tràng. Gà ỉa chảy lầy nhầy, gầy còm ốm yếu. Tỷ lệ chết cao.
- E. maxima ít gây bệnh hơn các loại E. necatrix; E. brunetti; E. acevulina; E. tenella. Tỷ lệ chết thấp, gà bệnh ỉa chảy, giảm cân. Gà đẻ giảm tỷ lệ trứng, ỉa ra máu. Mở khám thấy ruột non đầy chất nhầy màu nâu hoặc hồng nhạt.

4. Chẩn đoán

- Kiểm tra phân tìm noãn nang của cầu trùng
- Mở khám gà chết xác định vị trí ký sinh của cầu trùng.

5. Điều trị và phòng bệnh

a. Điều trị

Dùng một trong các loại thuốc sau đây:

- Baycox (2,5%) 1ml/ 1 lít nước, dùng 2 ngày liên tục hoặc 3ml/1 lít nước, dùng 8 tiếng liên tục.
- Phartico – Plus 10g/5 lít nước hoặc trộn vào 3kg thức ăn, dùng liên tục 3 ngày nghỉ 2 ngày rồi dùng tiếp 3 ngày.
- Rigeccocin WS tan trong nước 1g/2 lít nước. Dùng 5 ngày liên tục.
- Costrim (24%) 1g/5 lít nước hoặc trộn 0,5kg thức ăn. Dùng 3 – 5 ngày.
- Cosmix – fort 1g/1 lít nước hoặc trộn thức ăn. Dùng 3 – 6 ngày.
- Esb₃ (30%) 1g/1 lít nước. Dùng 3 – 5 ngày. Nếu bệnh nặng có thể tăng 1,5 – 2g/1 lít nước uống.

b. Phòng bệnh

- Vệ sinh thú y: Nên nuôi gà trên sàn để gà không ăn phân có chứa mầm bệnh. Hoặc giữ nền chuồng khô ráo, năng dọn phân tránh để cầu trùng có điều kiện phát triển và lây nhiễm.
- Dùng kháng sinh phòng định kỳ.